

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Bản án số: 259/2024/HS-ST
Ngày: 16/10/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Trần Vĩnh

Ông Nguyễn Ngọc Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Việt Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 244/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 4 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

1/ Nguyễn Thị H, Sinh năm: 1987; HKTT: Thôn M, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn N; Con bà: Đoàn Thị L (chết); Chồng: Trần Ngọc D (chết) và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giữ, tạm giam: Ngày 14/6/2024 (Có mặt).

2/ Đặng Thị D1, Sinh năm: 1988; HKTT: Bản Tát, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Văn T; Con bà: Bàn Thị T1; Chồng: Dương Minh B (đã ly hôn) và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1994; ĐKKH :TDP N, phường M, quận B, Hà Nội (vắng mặt)

2/ Chị Trần Thị Thùy D2; sinh năm 1997; ĐKKH: Hoà Phát, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị D1: Bà Nguyễn Thị V– Trợ giúp viên pháp lý - Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước - Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 13/6/2024, tổ công tác Công an phường Đ, quận B, Hà Nội tiến hành kiểm tra hành chính khách sạn T3, số D A, TDP N, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội phát hiện tại phòng 302 có Nguyễn Ngọc T2 (SN 2000; HKTT: TDP N, phường M, quận B, Hà Nội) và Đặng Thị D1; tại phòng 403 có Phạm Tuấn A (SN 1994; HKTT: TDP N, phường M, quận B, Hà Nội) và Trần Thị Thùy D2 (SN 1997; HKTT: ấp H, xã P, huyện P, An Giang) đang mua bán dâm với nhau. Tại chỗ, các đối tượng khai nhận việc mua bán dâm do Nguyễn Thị H, Đặng Thị D1 môi giới nên đã lập biên bản, thu giữ vật chứng và đưa các đối tượng về trụ sở làm rõ.

Vật chứng thu giữ:

Thu giữ của Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax màu vàng, dung lượng 256Gb, đã qua sử dụng, lắp sim thuê bao số 0888613966; Số tiền 4.920.000 đồng.

Thu giữ của Đặng Thị D1: 01 phong bì niêm phong bên trong có chứa 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Iphone 14 promax màu vàng đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, lắp sim số 0987010688; Số tiền 3.000.000 đồng.

Thu giữ của Trần Thị Thùy D2: 01 phong bì bên trong có 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A52S 5G màu xanh đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong, lắp sim số 0339331634; Số tiền 3.000.000 đồng.

Thu giữ của Phạm Tuấn A : 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng, số imei 358364064289646, lắp sim số 0566196494 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 14 giờ ngày 13/6/2024, Phạm Tuấn A và Nguyễn Ngọc T2 ngồi uống nước với nhau và nảy sinh ý định mua dâm nên cả hai lên mạng internet tìm được số điện thoại 0888613966 (số điện thoại của Nguyễn Thị H). Tuấn A sử dụng số điện thoại 0566196494 gọi điện đến số điện thoại 0888613966 của H nhờ tìm 02 gái bán dâm và thống nhất giá mua dâm là 4.000.000 đồng/01 người/01 lần và hẹn bán dâm tại khách sạn T3, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội. Lúc này, H đang ở cùng Đặng Thị D1 nên H có hỏi D1 về việc đi bán dâm cho khách với giá 4.000.000 đồng/01 người, H cắt lại tiền công môi giới là 1.000.000 đồng/01 gái bán dâm và đang cần thêm 01 gái bán dâm nữa vì có 02 khách. D1 đồng ý và gọi điện cho Trần Thị Thùy D2 rủ đi bán dâm với giá 3.000.000 đồng/01 người thì D2 đồng ý và tự bắt xe taxi đến khách sạn T3 để gặp D1.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Tuấn A và Nguyễn Ngọc T2 đi taxi đến khách sạn T3 rồi gọi điện cho Nguyễn Thị H xuống đón. Huyền xuống tầng 1 gặp Tuấn A và T2 thì Tuấn A đưa cho H 9.000.000 đồng (gồm 8.000.000 đồng là tiền mua dâm và 1.000.000 đồng tiền công môi giới). Sau đó, Tuấn A thuê phòng 302, T2 thuê phòng 403 của khách sạn rồi cả hai đi lên phòng 302 của Tuấn A chờ gái bán dâm còn H đi về phòng 301 gặp D2 và D1. Tại phòng 301, H đưa cho D1 6.000.000 đồng là tiền bán dâm của hai người nên D1 đưa lại cho D2 3.000.000 đồng là tiền bán

dâm của D2. Sau đó, H dẫn D2 và D1 sang phòng 302 gặp Tuấn A và T2. T2 chọn D1 và ở lại phòng 302, còn Tuấn A dẫn D2 lên phòng 403 để mua bán dâm. Khi T2 và D1, Tuấn A và D2 đang quan hệ tình dục thì bị tổ công tác công an phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng như đã nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H, Đặng Thị D1, Trần Thị Thùy D2, Phạm Tuấn A, Nguyễn Ngọc T2 khai nhận hành vi vi phạm như trên.

Ngày 05/9/2024, Công an quận B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đặng Thị D1, Trần Thị Thùy D2 về hành vi bán dâm với mức phạt 400.000 đồng; Phạm Tuấn A, Nguyễn Ngọc T2 về hành vi mua dâm với mức phạt 1.500.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 24, Điều 25 Nghị định 144 ngày 24/7/2023 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội. Đặng Thị D1, Trần Thị Thùy D2, Phạm Tuấn A, Nguyễn Ngọc T2 đã nộp phạt.

Đối với khách sạn T3: quá trình hoạt động có giấy phép kinh doanh, có đủ điều kiện về an ninh trật tự, cho khách thuê phòng theo đúng quy định, khi cho khách thuê phòng không biết khách sử dụng nhà nghỉ để hoạt động mại dâm nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với các vật chứng là số tiền 10.920.000 đồng, 02 bao cao su đã qua sử dụng và 04 chiếc điện thoại thu giữ của các bị can và người liên quan có liên quan đến hành vi phạm tội của nên cơ quan điều tra chuyển sang cơ quan thi hành án để xử lý theo luật định.

Bản cáo trạng số 244/CT-VKS ngày 30/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố: Nguyễn Thị H phạm tội Môi giới mại dâm theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự; Đặng Thị D1 phạm tội Môi giới mại dâm theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa 2 bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thị D1 và Nguyễn Thị V1 có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài luận cứ: Nhất trí về tội danh và hình phạt mà viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo là dân tộc thiểu số, thuộc vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ nhận thức còn hạn chế. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo nuôi 02 con nhỏ một mình, hoàn cảnh gia đình khó khăn hiện là lao động chính nên cho bị cáo được hưởng án treo cũng mang tính răn đe giáo dục giúp đỡ bị cáo sửa chữa lỗi lầm và trở thành người có ích cho xã hội.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng số 244/CT-VKS ngày 30/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm. Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 238; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (đối với H).

Căn cứ Khoản 1 Điều 328; Điểm s,i Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (đối với D1).

Đề nghị xử phạt: Nguyễn Thị H mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù, Đặng Thị D1 từ 07 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 14 tháng đến 20 tháng. Tịch thu sung công quỹ nhà nước 9.000.000 đồng, 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax màu vàng, lắp sim có số thuê bao 0888613966, 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax màu vàng, lắp sim có số thuê bao 0987010688, 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 6 màu vàng lắp sim số 0566196494, 01 điện thoại kiểu dáng Samsung màu xanh A52s 5G, lắp sim có số thuê bao 0339331634 đều không kiểm tra chất lượng bên trong; Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng và 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo H 1.920.000 đồng không liên quan đến vụ án; Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo D1.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Những chứng cứ trên đây đủ cơ sở xác định: Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 13/6/2024, tại khách sạn T3, số D đường A, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội, Nguyễn Thị H có hành vi môi giới cho Đặng Thị D1, Trần Thị Thùy D2 đi bán dâm cho khách, hưởng lợi 3.000.000 đồng; Đặng Thị D1 có hành vi môi giới cho Trần Thị Thùy D2 bán dâm thì bị công an quận B phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H về tội Môi giới mại dâm theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự; Đặng Thị D1 phạm tội Môi giới mại dâm theo quy định tại Khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự 2015.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mại dâm là một tệ nạn mà nhà nước và nhân dân đang ra sức loại trừ khỏi đời sống xã hội. Các bị cáo đã tiếp tay cho khách mua dâm, bị cáo D1 trực tiếp bán dâm và môi giới mại dâm cho Đặng Thị D1. Hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội được luật hình bảo vệ mà còn gây bất bình cho quần chúng nhân dân. Là một phụ nữ đã trưởng thành, các bị cáo không chịu làm ăn lương thiện mà thích hưởng lợi bất chính nên đã

đi vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này có đồng phạm nhưng thuộc loại giản đơn, bị cáo H giữ vai trò đầu vụ, trực tiếp nhận tiền môi giới mại dâm cho D1 và D2 để hưởng lợi bất chính. Đặng Thị D1 đồng ý bán dâm cho khách, H nói cần 01 người nữa thì bị cáo điện thoại môi giới cho D2 đi bán dâm cùng để hưởng lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo H phải có một mức án thích hợp cao hơn so với bị cáo D1.

[5] Khi lượng hình phạt, xét bị cáo H tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo lần đầu phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Riêng bị cáo D1 tham gia với vai trò đồng phạm, không được hưởng lợi từ việc môi giới mại dâm, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn là dân tộc thiểu số, bị cáo đã ly hôn đang một mình nuôi 02 con nhỏ, một cháu mới 8 tháng tuổi hiện là lao động chính trong gia đình nên không nhất thiết phải giam giữ bị cáo mà cho cải tạo ngoài xã hội giúp bị cáo sửa chữa lỗi lầm và trở thành người tốt. Nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm i,s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[6] Về xử lý tang vật: Thu giữ của H 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax màu vàng, lắp sim có số thuê bao 0888613966, thu giữ của D1 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax màu vàng, lắp sim có số thuê bao 0987010688, Thu giữ của Trần Thị Thùy D2: 01 điện thoại kiểu dáng Samsung màu xanh A52s 5G, lắp sim có số thuê bao 0339331634; Thu giữ của Phạm Tuấn A: 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 6 màu vàng lắp sim số 0566196494 đều không kiểm tra chất lượng bên trong, các bị cáo và người liên quan sử dụng điện thoại trên vào hành vi môi giới mại dâm nên tịch thu sung công quỹ nhà nước theo Điều 47 Bộ luật hình sự.

Thu giữ số tiền 10.920.000 đồng, trong đó 9.000.000 đồng Tuấn A đưa cho H là tiền môi giới mại dâm nên tịch thu sung công quỹ nhà nước. Số tiền 1.920.000 đồng thu giữ của H không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo H.

- Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su và 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng theo Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo D1. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 238; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (đối với H).

Căn cứ Khoản 1 Điều 328; Điều 51, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (đối với D1).

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H và Đặng Thị D1 phạm tội Môi giới mại dâm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 38 (ba mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2024.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị D1 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo về UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách của bản án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Vật chứng vụ án:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 9.000.000 đồng (chín triệu đồng), 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax màu vàng, lắp sim có số thuê bao 0888613966, 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 14 promax màu vàng, lắp sim có số thuê bao 0987010688, 01 điện thoại kiểu dáng Iphone 6 màu vàng lắp sim số 0566196494, 01 điện thoại kiểu dáng Samsung màu xanh A52s 5G, lắp sim có số thuê bao 0339331634 đều không kiểm tra chất lượng bên trong.

Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su và 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng,

Trả lại cho bị cáo H 1.920.000 đồng (một triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) không liên quan đến vụ án. Tang vật vụ án hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm theo biên bản bàn giao vật chứng số 17/25 ngày 7/10/2024.

Bị cáo H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo D1. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người liên quan (Nếu có);
- Người bào chữa (Nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Huệ

